TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHỤNG HIỆP** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 14/03/2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Phục

2. Ông Nguyễn Thành Quyến

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 03 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 629/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022, về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Tuyết H, sinh năm: 1968; Địa chỉ: ấp Tân L, xã Tân B, huyện P, tỉnh H (có mặt)

Bị đơn: Ông Châu Văn E, sinh năm: 1961; Địa chỉ: ấp Tân L, xã Tân B, huyện P, tỉnh H (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 20/10/2022, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị Tuyết H trình bày:

Bà H và ông Châu Văn E làm lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 1984, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Bà H và ông E chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông bà bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống, ông E không có trách

nhiệm với gia đình, từ đó dẫn đến việc ông bà thường xảy ra cự cải, bà H và ông E cũng đã chính thức ly thân từ năm 2017, đến nay vẫn không hàn gắn đoàn tụ được.

Về con chung: có 02 con chung là Châu Thị Kiều P, sinh năm: 1986 và Châu Thị Ngọc B, sinh năm: 1992.

Về tài sản chung; Về nợ chung: Không yêu cầu.

Nay bà Phạm Thị Tuyết H yêu cầu được ly hôn với ông Châu Văn E; Về con chung: Châu Thị Kiều P, sinh năm: 1986 và Châu Thị Ngọc B, sinh năm: 1992 đều đã trưởng thành và sống tự lập, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Châu Văn E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không đến Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Phụng Hiệp phát biểu quan điểm:

Về phần thủ tục từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 71, Điều 72, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên bị đơn vắng mặt là chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Tuyết H. Không công nhận bà Phạm Thị Tuyết H và ông Châu Văn E là vợ chồng.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: ông Châu Văn E đã được Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Phạm Thị Tuyết H và ông Châu Văn E chung sống kết hôn vào năm 1984 (trước ngày 03/01/1987) nhưng không có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống có 02 con chung và hôn nhân tồn tại một thời gian dài đến năm 2017 mới xảy ra mâu thuẫn và chính thức ly thân. Căn cứ vào tiểu mục c.1 mục c khoản 1 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì đây được xem là hôn nhân thực tế và Hội đồng xét xử

xem xét giải quyết ly hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Quá trình giải quyết vụ án bà H vẫn kiên quyết ly hôn, ông E biết bà H xin ly hôn nhưng vẫn không đến Tòa án giải quyết. Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là phù hợp.

[3] Về con chung: Châu Thị Kiều P, sinh năm: 1986 và Châu Thị Ngọc B, sinh năm: 1992 đều đã trưởng thành và sống tự lập, nên không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung; Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; tiểu mục c.1 mục c khoản 1 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; các Điều 11, 17, 85, 87, 89 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Các Điều 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Tuyết H và ông Châu Văn E được ly hôn.

Về con chung: Châu Thị Kiều P, sinh năm: 1986 và Châu Thị Ngọc B, sinh năm: 1992 đều đã trưởng thành và sống tự lập, nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung; Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà Phạm Thị Tuyết H phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000550 ngày 20/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND h. Phụng Hiệp;
- THA h. Phụng Hiệp;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Tiến Dũng